PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1460/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình thuộc tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2011 và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3715/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình thuộc tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2015 (viết tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi Đề án: Vùng ảnh hưởng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hoà Bình thuộc tỉnh Sơn La gồm 50 xã và 2 thị trấn thuộc 5 huyện: Phù Yên, Mộc Châu, Bắc Yên, Mường La, Mai Sơn, bao gồm: 664 bản, số dân trong vùng Đề án là 54.153 hộ.

2. Đối tượng thực hiện: Hộ dân phải di chuyển đến các điểm tái định cư tập trung và xen ghép trong nội bộ xã; hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 trong vùng Đề án là 25.327 hộ.

3. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2015, ổn định được nơi ở của các hộ dân, không còn hộ thiếu đất sản xuất và hộ đói, giảm hộ nghèo xuống bằng mức bình quân chung của Tỉnh. Vùng thực hiện Đề án có nền kinh tế phát triển toàn diện, dân cư ổn định, có điều kiện phát triển bền vững và hòa nhịp với sự phát triển chung của Tỉnh, đời sống của người dân được bảo đảm và ngày càng được nâng cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề ở nông thôn. Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án theo Chương trình xây dựng nông thôn mới. Nâng độ che phủ rừng của vùng hồ nhằm tăng khả năng phòng hộ hồ thủy điện Hòa Bình và bảo vệ môi trường sinh thái. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2015, giải quyết cơ bản công tác bố trí sắp xếp dân cư, bao gồm: Di dân đến các điểm tái định cư tập trung khoảng 680 hộ, bố trí tái định cư xen ghép trong nội bộ xã khoảng 1.150 hộ;

- Phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến vừa và nhỏ. Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm bảo đảm an ninh lương thực, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi. Nâng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế. Phấn đấu đến năm 2015 cơ cấu kinh tế trong vùng Đề án chuyển dịch theo hướng: Nông, lâm, ngư nghiệp đạt 47%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt 35%; thương mại, dịch vụ đạt 18%;

- Đầu tư phát triển rừng phòng hộ kết hợp với rừng kinh tế nhằm nâng cao thu nhập của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái. Nâng độ che phủ của rừng lên 55% vào năm 2015;

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp đường ô tô đến xã, bảo đảm các xã có đường đi lại được 4 mùa và có đường ô tô đến các bản; phấn đấu 95% số hộ trong vùng Đề án được sử dụng điện lưới quốc gia và được dùng nước sạch hợp vệ sinh, 100% số hộ được xem truyền hình;

- Đến hết năm 2015, vùng dự án không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo bằng mức bình quân chung của cả tỉnh, thu nhập bình quân đầu người đạt 16 triệu đồng/người/năm;

- Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội cho nhân dân vùng Đề án ngang bằng với các vùng khác trong tỉnh. Sắp xếp lại lao động, phấn đấu giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong lao động xã hội bằng mức bình quân chung của Tỉnh, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn đạt trên 50%. Thực hiện công bằng và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

4. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Các hạng mục đầu tư chủ yếu

a) Sắp xếp ổn định dân cư: Điều chỉnh, sắp xếp 1.830 hộ dân, trong đó: 680 hộ với 2.852 nhân khẩu di chuyển do thiếu đất sản xuất và đất ở; 1.150 hộ với 5.587 nhân khẩu phải di chuyển do không có đất ở (đã có đủ đất sản xuất). Xây dựng đồng bộ 16 điểm tái định cư tập trung (11 điểm tại các xã trong vùng dự án và 5 điểm ngoài vùng thuộc các xã Chiềng Chung, Chiềng Lương huyện Mai Sơn) và 29 điểm dân cư trong nội bộ xã cho các hộ thiếu đất ở.

b) Đầu tư phát triển sản xuất: Trồng rừng kinh tế kết hợp phòng hộ 3.150 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên 10.000 ha; bảo vệ rừng hiện có 77.740 ha; xây dựng nương định canh 2.410 ha; hỗ trợ vốn 25.327 hộ nghèo để sản xuất cây ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc; xây dựng 319 mô hình sản xuất theo 23 loại hình sản xuất nông - lâm - thủy sản; hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển cây chè.

c) Hỗ trợ đào tạo nghề và tập huấn chuyển giao công nghệ: đào tạo nghề ngắn hạn 12.000 người; tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất, công nghệ mới cho 20.000 người.

d) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Xây dựng 5 tuyến đường liên xã, 10 tuyến đường liên bản và 17 cầu;

- Đầu tư tiếp để hoàn thành 2 dự án điện của xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu và xã Chiềng Hoa, huyện Mường La; đầu tư xây dựng 62 công trình nước tự chảy và khoảng 50 giếng đào;

- Xây dựng 59 công trình thủy lợi, 12 km kè bảo vệ khu dân cư, bảo vệ diện tích đất sản xuất;

- Xây dựng 3 trường mầm non tại trung tâm xã, 17 điểm trường ở bản, 18 phòng học trường tiểu học; xây dựng thêm 03 phòng học cho Trường trung học cơ sở xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên;

- Xây dựng 03 phòng khám đa khoa khu vực, 16 trạm y tế xã, 38 phòng ở của cán bộ y tế xã; hỗ trợ xây dựng tủ thuốc y tế 300 bản, mức hỗ trợ bình quân 10 triệu đồng/tủ thuốc;

- Xây dựng 73 nhà văn hóa xã, bản, 09 công trình trụ sở Ủy ban nhân dân xã; hỗ trợ san ủi mặt bằng xây dựng 20 chợ và 28 sân thể thao;

- Xây dựng 14 trạm khuyến nông - lâm, 03 trung tâm đào tạo nghề nông thôn cho 3 huyện Phù Yên, Mộc Châu và Bắc Yên; xây dựng trụ sở Ban Quản lý dự án di dân tái định cư các huyện: Mai Sơn, Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu; xây dựng 13 bến thuyền tại các xã ven sông Đà vùng Bắc Yên, Phù Yên, Mộc Châu, Mường La.

6. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn

a) Tổng vốn đầu tư: 1.656,6 tỷ đồng

Trong đó:

- Di dân tái định cư: 616,8 tỷ đồng;

- Đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất: 449,2 tỷ đồng;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: 540,7 tỷ đồng;

- Chi phí khác và dự phòng: 50,0 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn:

- Ngân sách trương ương đầu tư Đề án: 1.396,6 tỷ đồng;

- Lồng ghép các chương trình mục tiêu: 150,0 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách địa phương: 60,0 tỷ đồng;

- Huy động từ doanh nghiệp và nhân dân đóng góp: 50,0 tỷ đồng.

7. Các giải pháp thực hiện Đề án

a) Về quy hoạch:

- Tiếp tục rà soát và bổ sung quy hoạch tổng thể của vùng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện; quy hoạch bố trí dân cư phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã. Trong đó, ưu tiên quy hoạch ổn định dân cư, quy hoạch địa bàn sản xuất và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng để xác định thứ tự ưu tiên trong bố trí kế hoạch đầu tư;

- Năm 2011, tập trung quy hoạch chi tiết các điểm tái định cư tập trung và lập phương án giãn dân hình thành các điểm tái định cư xen ghép trong nội bộ xã. Công tác quy hoạch phải bảo đảm nơi ở mới có điều kiện về đất đai và xây dựng kết cấu hạ tầng tốt hơn nơi ở cũ.

b) Phát triển nguồn nhân lực:

Tổ chức các mô hình dạy nghề đa dạng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn, tạo cơ hội học nghề đối với lao động phổ thông, nhất là lao động nghèo, lao động nông thôn tiếp cận nhanh với kiến thức mới để nâng cao trình độ. Tăng cường triển khai đào tạo nghề trình độ cao tại các cơ sở dạy nghề trung tâm.

c) Giải pháp về vốn:

- Nguồn ngân sách trung ương đầu tư cho dự án tập trung vào thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh ổn định dân cư, bao gồm: Chi phí lập quy hoạch chi tiết, thực hiện bồi thường, hỗ trợ và xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng tại các điểm tái định cư; đầu tư hỗ trợ sản xuất cho đối tượng hộ nghèo và xây dựng các mô hình trình diễn để nhân ra diện rộng; hỗ trợ lãi suất vốn vay để phát triển vùng cây công nghiệp;

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án trên địa bàn, bố trí bổ sung từ ngân sách địa phương và huy động nguồn vốn của các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế, của người dân tham gia thực hiện Đề án;

- Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, trong đó tập trung vào các dự án xây dựng cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, các cơ sở, nhà máy chế biến; đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, khai thác vật liệu xây dựng.

d) Giải pháp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ:

- Tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh xây dựng các mô hình áp dụng quy trình kỹ thuật mới, áp dụng giống mới có giá trị kinh tế cao để chuyển giao cho nông dân phát triển sản xuất; hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản nông sản sau thu hoạch;

- Khuyến khích các hộ gia đình, nhóm hộ đầu tư áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất và giải phóng sức lao động. Mở các lớp tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nông dân sử dụng, bảo quản và vận hành an toàn các thiết bị máy móc nông nghiệp.

đ) Giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, bảo đảm phát triển bền vững:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường cho nhân dân;

- Khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên đất; khai thác phải đi đôi với bảo vệ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật cải tạo đất, chống xói mòn, rửa trôi làm bạc màu và suy thoái đất;

- Tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát triển rừng sản xuất để phát huy tối đa tác dụng cải thiện điều kiện khí hậu, giữ đất, giữ nước, bảo vệ môi trường;

- Tăng cường quản lý nguồn chất thải rắn, chất thải nguy hại. Xây dựng các khu xử lý rác thải. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải, nước thải từ các khu dân cư, khu chăn nuôi, các nhà máy, bảo đảm toàn bộ nguồn nước thải phải được xử lý loại bỏ các chất độc hại trước khi thoát ra môi trường;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, phương pháp bảo vệ thực vật tổng hợp trong sản xuất nông nghiệp; sử dụng các chế phẩm sinh học trong việc bảo vệ thực vật, bảo quản và chế biến nông sản để hạn chế ô nhiễm môi trường.

e) Nâng cao năng lực thực hiện dự án:

- Củng cố và tăng cường lực lượng ban quản lý dự án cấp huyện, đảm bảo đủ về số lượng và năng lực quản lý, tổ chức thực hiện dự án được giao; xây dựng mạng lưới điều phối viên, ban điều hành dự án xã, bản trên cơ sở đội ngũ cán bộ xã, bản kết hợp với đội ngũ cán bộ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đảm bảo đủ lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở;

- Chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực giám sát quá trình thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng trên địa bàn cho cán bộ xã, bản. Tạo điều kiện để cấp cơ sở (xã, bản) làm chủ đầu tư các công trình đơn giản phù hợp với năng lực, trình độ quản lý và tổ chức triển khai thực hiện.

g) Áp dụng cơ chế chính sách cho vùng Đề án:

- Cho phép áp dụng một số cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ để hỗ trợ phát triển sản xuất và chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cho phép áp dụng một số cơ chế, chính sách theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ, Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại điểm tái định cư, hỗ trợ hộ tái định cư di chuyển, dựng lại nhà ở và bồi thường thiệt hại cho người bị thu hồi đất xây dựng điểm tái định cư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La:

- Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án do một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban; thành viên Ban Chỉ đạo là các Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thuộc Đề án; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo;

- Căn cứ vào khả năng huy động vốn và tính cấp thiết của từng hạng mục đầu tư, lựa chọn thứ tự ưu tiên và chỉ đạo chủ đầu tư lập các dự án thành phần trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện Đề án có hiệu quả;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch ngân sách hàng năm để bố trí cho tỉnh Sơn La thực hiện hạng mục đầu tư theo dự án được duyệt.

b) Các Bộ, ngành căn cứ vào các chương trình, dự án đã được giao, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến đầu tư tại vùng Đề án; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tổ chức, thực hiện các dự án có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Giá: 10.000 đồng